

Trà Vinh, ngày 09 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và phát triển Chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học của Trường Đại học Trà Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4665/QĐ-ĐHTV ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, thẩm định và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học của Trường Đại học Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng cho các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01/01/2022. Các nội dung quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học, Trưởng các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm, Viện và đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TT.D&H, TTrPC *lv*



Phạm Tiết Khánh

QUY ĐỊNH

**Xây dựng, thẩm định và phát triển chương trình đào tạo
trình độ đại học, sau đại học của Trường Đại học Trà Vinh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4493/QĐ-ĐHTV ngày 09 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định công tác xây dựng, thẩm định, phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học của trường Đại học Trà Vinh, đồng thời quy định về công tác quản lý và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

2. Quy định này áp dụng đối với các chương trình đào tạo ở trình độ đào tạo đại học, sau đại học của Trường Đại học Trà Vinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Mã ngành* là chuỗi số liên tục gồm bảy chữ số, trong đó từ trái sang phải được quy định như sau: chữ số đầu tiên quy định mã trình độ đào tạo; hai chữ số thứ hai và thứ ba quy định mã lĩnh vực đào tạo; hai chữ số thứ tư và thứ năm quy định mã nhóm ngành đào tạo; hai chữ số cuối quy định mã ngành đào tạo.

2. *Ngành* là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, do Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê, phân loại.

3. *Nhóm ngành đào tạo* là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, tương ứng với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

4. *Lĩnh vực đào tạo* là tập hợp một số nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn hoặc nghề nghiệp, tương ứng với Danh mục giáo dục đào tạo cấp II thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. *Chuyên ngành* là một phần kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu có tính độc lập trong một ngành, do cơ sở giáo dục đại học quyết định.

6. *Chương trình đào tạo* là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

7. *Chuẩn chương trình đào tạo* của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

8. *Chuẩn đầu ra* là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

9. *Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào)* của một chương trình đào tạo là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

10. *Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù* là chương trình đào tạo của một số ngành chuyên sâu đặc thù theo quy định của Chính phủ với yêu cầu người tốt nghiệp đạt trình độ tương ứng bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

11. *Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu* có mục tiêu và nội dung theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ.

12. *Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng* có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.

13. *Môn học, học phần (sau đây gọi chung là học phần)* là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ.

14. *Thành phần của một chương trình đào tạo* là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo, như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và các thành phần khác.

15. *Tín chỉ* là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

Điều 3. Mục tiêu xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo

1. Phát triển các ngành, chuyên ngành đào tạo mới phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.

2. Hoàn thiện và chuẩn hóa các chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu về kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam; tiếp cận với các chương trình đào tạo theo chuẩn khu vực và quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo

Việc xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và các quy định của Nhà trường.

2. Phải đảm bảo tính khoa học, hệ thống và tính kế thừa và cập nhật

3. Phải tham khảo ít nhất 02 chương trình đào tạo trong nước và 02 chương trình đào tạo ngoài nước đã được công nhận kiểm định chất lượng hoặc đã có sinh viên tốt nghiệp.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 5. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.

2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.

3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy

định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

2. Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

3. Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

4. Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực ngoại ngữ và năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

5. Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

6. Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

7. Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

8. Phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và của Khoa.

Điều 7. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo phải xác định rõ những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với từng trình độ, ngành và định hướng đào tạo mà người học cần đáp ứng để có thể học tập thành công và hoàn thành tốt chương trình đào tạo.

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ: Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

Điều 8. Khối lượng học tập

1. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ.

a) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Thời gian dự giờ giảng được bố trí theo Thời khóa biểu. Thời gian còn lại do giảng viên phân bổ trong Đề cương chi tiết học phần và Kế hoạch giảng dạy (Phụ lục IIIa-Elearning1 và Phụ lục IIIb-Elearning2) sao cho phù hợp với yêu cầu của học phần và cách tổ chức giảng dạy.

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện **tối thiểu** 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

c) Đối với hoạt động thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 40 giờ (tương đương 1 tuần).

2. Khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Chương trình đào tạo đại học: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành.

b) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng-an ninh theo quy định hiện hành; hoặc 30 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

c) Chương trình đào tạo thạc sĩ: 60 tín chỉ đối với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành; 30 tín chỉ đối với người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 hoặc người đã có bằng tốt nghiệp kỹ sư, bác sĩ thuộc cùng nhóm ngành (đã tốt nghiệp chương trình có khối lượng học tập tối thiểu 150 tín chỉ).

d) Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ với người có trình độ thạc sĩ, 120 tín chỉ với người có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành.

3. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ, đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

1. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo:

a) Phải thể hiện rõ vai trò của từng thành phần, học phần, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các thành phần, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo.

b) Phải thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo, tạo điều kiện thực hiện liên thông giữa các ngành và trình độ đào tạo; đồng thời thể hiện những đặc điểm và yêu cầu riêng của ngành đào tạo.

c) Phải quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

d) Phải định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

2. Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giáo dục đại cương bắt buộc bao gồm các môn lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần/chuyên đề bắt buộc khác theo quy định hiện hành.

b) Các học phần tự chọn chiếm tối thiểu từ 8-10% cho mỗi khối kiến thức đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức đại cương chiếm tỉ lệ từ 30-40% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm từ 60-70% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (bao gồm tốt nghiệp).

c) Chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 còn phải đáp ứng các yêu cầu sau: Khối lượng thực tập tối thiểu 8 tín chỉ và ít nhất 01 học phần dự án cộng đồng (trừ các chương trình đào tạo Co-op và chương trình đào tạo thuộc khối ngành Khoa học sức khỏe).

d) Đối với các chương trình đào tạo song ngành, ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo cần được cấu trúc để thể hiện rõ những thành phần chung và những phần riêng theo từng ngành.

4. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo thạc sĩ:

a) Định hướng nghiên cứu: khối lượng nghiên cứu khoa học từ 24 đến 30 tín chỉ, bao gồm 12 đến 15 tín chỉ cho luận văn, 12 đến 15 tín chỉ cho các đề án, dự án, chuyên đề nghiên cứu khác.

b) Định hướng ứng dụng: thực tập từ 6 đến 9 tín chỉ; học phần tốt nghiệp từ 6 đến 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đề án hoặc dự án.

5. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo tiến sĩ:

a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ.

c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

Điều 10. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

1. Phương pháp giảng dạy phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

3. Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Điều 11. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

1. Chuẩn chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định những yêu cầu tối thiểu về số lượng, cơ cấu, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đại học, giảng dạy chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7:

a) Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên.

b) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

c) Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

d) Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.

3. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ:

a) Giảng viên có trình độ tiến sĩ.

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

c) Có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần của chương trình.

d) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 05 học viên trên một người hướng dẫn.

4. Yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình tiến sĩ:

a) Giảng viên có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; hoặc có trình độ tiến sĩ với năng lực nghiên cứu tốt.

b) Có ít nhất 01 giáo sư (hoặc 02 phó giáo sư) ngành phù hợp và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu.

c) Có đủ người hướng dẫn để đảm bảo tỉ lệ tối đa 07 nghiên cứu sinh/giáo sư, 05 nghiên cứu sinh/phó giáo sư và 03 nghiên cứu sinh/tiến sĩ.

5. Chương trình đào tạo cho các ngành yêu cầu về đội ngũ nhân lực hỗ trợ đào tạo (nếu cần thiết), phù hợp với đặc điểm của từng ngành, chuyên ngành đào tạo.

Điều 12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Chuẩn chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cho các ngành, nhóm ngành đưa ra những yêu cầu tối thiểu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo.

Chương III

XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 13. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

Khi mở mới ngành hoặc chuyên ngành, Khoa/Viện và các đơn vị thuộc trường (gọi chung cấp Khoa) cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các bước theo trình tự sau:

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp Khoa gửi tờ trình xin chủ trương mở ngành/chuyên ngành mới cho Hiệu trưởng (qua Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học). Trong đó đảm bảo đầy đủ các yêu cầu như sau: (Phụ lục 8)

a) Nguồn nhân lực (kết quả khảo sát,...);

b) Về năng lực đào tạo của Khoa (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, ...)

2. Sau khi nhận đủ hồ sơ về cơ sở vật chất, điều kiện nhân sự từ cấp Khoa/Viện, Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học trình Hiệu trưởng phê duyệt tờ trình để các đơn vị tiến hành xây dựng chương trình đào tạo. (Phụ lục 9)

3. Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học phối hợp với Khoa tham mưu Ban Giám hiệu thành lập các Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo. (Phụ lục 10).

4. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo các bước sau:

a) Bước 1: Tiến hành xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (đảm bảo các nội dung tại Điều 5 và Điều 6 tại Quy định này); (Phụ lục 2, Phụ lục 3).

b) Bước 2: Hoàn thiện mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Phụ lục 4).

c) Bước 3: Tổ chức xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra. (Phụ lục 6, mục C)

d) Bước 4: Tổ chức đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo; (Phụ lục 1)

e) Bước 5: Phân công thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định; (Phụ lục 6, mục F)

f) Bước 6: Phối hợp với Khoa tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp, ... về chương trình đào tạo; (Phụ lục 6)

g) Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và gửi về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học làm các thủ tục và tổ chức thẩm định chương trình;

5. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ký quyết định ban hành đưa chương trình đào tạo vào sử dụng.

Điều 14. Quy trình rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

1. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo phải được rà soát, cập nhật tối thiểu 02 lần trong chu kỳ đánh giá chương trình đào tạo.

2. Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học phối hợp các đơn vị có liên quan lập kế hoạch tổng thể để rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

3. Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học phối hợp với Khoa tham mưu Ban Giám hiệu thành lập các Hội đồng rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là Hội đồng rà soát-HĐRS).

4. HĐRS thực hiện việc rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo theo quy trình sau:

a) Bước 1: HĐRS đối sánh chuẩn đầu ra hiện tại với các chuẩn của Quốc gia, Triết lý giáo dục của Trường và các chương trình đào tạo đã được kiểm định trong/ngoài nước, đồng thời đảm bảo các nội dung tại Điều 5 và Điều 6 Quy định này để có được bản dự thảo chuẩn đầu ra (lần 1) (Phụ lục 1).

b) Bước 2: HĐRS thiết kế phiếu điều tra về bản dự thảo chuẩn đầu ra (lần 1) (Phụ lục 2); thực hiện điều tra khảo sát thu thập thông tin từ các đối tượng (giảng viên, chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động, đặc biệt là ý kiến của các cựu sinh viên và sinh viên năm cuối,...)(Phụ lục 3) và gửi bản dự thảo chuẩn đầu ra (lần 2) (Phụ lục 4) về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học.

c) Bước 3: Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học tổng hợp Chuẩn đầu ra của các HĐRS và báo cáo với Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường. Trong trường hợp thật sự cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường yêu cầu HĐRS thực hiện lại việc rà soát, từ Bước 2 của Quy trình này.

d) Bước 4: HĐRS hoàn thiện Chuẩn đầu ra của các ngành/chuyên ngành và gửi về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học trình Hiệu trưởng ký quyết định và chuyển đến đơn vị có liên quan công bố công khai.

e) Bước 5: Sau khi Chuẩn đầu ra mới được công bố, HĐRS thực hiện các công việc sau theo trình tự: lập ma trận học phần trong CTĐT hiện tại và chuẩn đầu ra mới (Phụ lục 5); xây dựng cấu trúc và nội dung CTĐT (Phụ lục 6, mục C); khảo sát Đầu vào – Đầu ra của học phần (Phụ lục 7) và xây dựng Kế hoạch giảng dạy kèm sơ đồ các học phần (Phụ lục 6, mục C.III, mục D)

f) Bước 6: Khoa tổ chức họp Ban tư vấn Chương trình đào tạo để lấy ý kiến về cấu trúc, nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy. HĐRS báo cáo trong phiên họp. (phục lục 6, mục A, B, C, D, E)

g) Bước 7: HĐRS hoàn thiện cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy theo đóng góp của Ban Tư vấn chương trình.

h) Bước 8: HĐRS lập ma trận phân bổ Chuẩn đầu ra và trình độ năng lực + TUA* vào từng học phần; đồng thời xây dựng và phê duyệt đề cương học phần (Phụ lục 6, mục B.II.2, mục F). Sau đó gửi về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học.

i) Bước 9: Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học tổng hợp tất cả CTĐT từ các HĐRS và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt các chương trình đào tạo. Nếu cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đề nghị tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo trước khi trình phê duyệt chương trình đào tạo.

5. Tháng 6 hàng năm, Khoa/Bộ môn gửi đề nghị về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học về việc bổ sung/điều chỉnh/cập nhật học phần; đồng thời lập danh mục các học phần tương đương đối với các học phần đã đưa ra khỏi chương trình. Việc điều chỉnh này sẽ được áp dụng cho năm học tiếp theo.

6. Trường hợp thật sự cần thiết phải cập nhật nội dung chương trình cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật, với thực tế và sự tiến bộ khoa học công nghệ, Khoa thực hiện các thủ tục theo quy định và hướng dẫn của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 15. Hội đồng xây dựng/rà soát chương trình đào tạo

1. Yêu cầu về thành phần của Hội đồng:

a) Đại diện tiêu biểu cho giảng viên am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, trực tiếp tham gia giảng dạy hoặc quản lý đào tạo của Khoa/Bộ môn/Viện, có năng lực xây dựng và phát triển chương trình đào tạo;

b) Thành viên Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học;

c) Đại diện đơn vị tuyển dụng lao động trong lĩnh vực chuyên môn liên quan, có am hiểu về yêu cầu năng lực nghề nghiệp và các vị trí việc làm trong lĩnh vực của ngành đào tạo.

2. Trách nhiệm của Hội đồng

a) Tổ chức xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo theo các bước tại Điều 13 và Điều 14 của Quy định này.

b) Hướng dẫn giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học xây dựng, cập nhật đề cương học phần và tổ chức thẩm định đề cương học phần theo quy định.

3. Hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Trưởng Khoa/Bộ môn/Viện và Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học.

Điều 16. Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo

1. Cơ cấu Hội đồng:

a) Số lượng thành viên Hội đồng phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 uỷ viên phản biện thuộc hai cơ sở đào tạo khác nhau và các

ủy viên. Trong đó, có ít nhất 01 thành viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động.

b) Các thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo không là thành viên của Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo;

c) Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học trong và ngoài nước đúng/phù hợp chuyên ngành tham gia Hội đồng thẩm định.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

Thành viên Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành hoặc ngành gần đối với chương trình đào tạo thuộc ngành mới, các chuyên gia am hiểu về ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo không là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

3. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo

a) Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo theo quy định.

b) Đánh giá được mức độ đáp ứng các quy định của chuẩn chương trình đào tạo, quy chế tổ chức đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định liên quan khác về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định.

c) Chương trình đào tạo được coi là đạt yêu cầu khi có tối thiểu 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.

d) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau:

- Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung;
- Hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung;
- Hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua.

e) Cuộc họp của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phải được ghi thành biên bản, trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo, có chữ ký của các thành viên hội đồng và có xác nhận của Ban Giám hiệu nhà trường.

f) Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo tổ chức theo hướng dẫn của Trường.

3. Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Trưởng các đơn vị quản lý chương trình đào tạo và Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phải nêu rõ chức danh, trình độ đào tạo, đơn vị công tác của từng

thành viên hội đồng.

Điều 17. Đánh giá chương trình đào tạo

1. Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo tối đa là 05 năm.
2. Phòng Đảm bảo Chất lượng lập kế hoạch phối hợp với các Khoa và các đơn vị có liên quan tổ chức đánh giá chương trình đào tạo theo định kì.
3. Phòng Đảm bảo Chất lượng chuyển giao kết quả về Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học để tổ chức cải tiến, cập nhật chương trình đào tạo.
4. Đánh giá chương trình đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - a) Việc đánh giá phải đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II của Quy định này và chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, khối ngành (nếu có);
 - b) Việc đánh giá phải dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi khóa học và phản hồi của các bên liên quan (giới sử dụng lao động, người học, giảng viên, tổ chức nghề nghiệp...).
 - c) Việc đánh giá phải làm rõ tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy);
 - d) Việc đánh giá phải đưa ra đề xuất cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo; kết quả đánh giá, cải tiến phải được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.
5. Việc đánh giá chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp theo quy định về mở ngành đào tạo.

Chương IV

QUẢN LÝ, LƯU TRỮ HỒ SƠ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Quản lý chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được lưu trữ tại Khoa, Bộ môn, Viện, Trung tâm, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học và Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học.
2. Trưởng Khoa/Viện/Bộ môn/Trung tâm quản lý chương trình đào tạo có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Dựa trên kế hoạch tổng thể của Trường, Trường Khoa/Viện/Bộ môn/Trung tâm xây dựng kế hoạch cập nhật/đánh giá chương trình đào tạo cụ thể để phân công các đơn vị/cá nhân trực thuộc thực hiện.

b) Lưu trữ chương trình đào tạo đã được ban hành và đề cương các học phần có trong chương trình đào tạo.

c) Công khai mô tả chương trình đào tạo tổng thể lên trang thông tin điện tử của đơn vị.

d) Lưu trữ toàn bộ các hồ sơ/tài liệu có liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo (Điều 19).

e) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo các quy định hiện hành của Trường.

Điều 19. Lưu trữ hồ sơ

1. Tài liệu lưu trữ được xác định theo quy định lưu trữ của Trường và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Khoa có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ có liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, gồm:

a) Kế hoạch tổng thể của Trường và kế hoạch thực hiện của Khoa/Bộ môn.

b) Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa, Hội đồng xây dựng/rà soát, cập nhật chương trình

c) Phiếu khảo sát và kết quả khảo sát

d) Các Phụ lục sử dụng trong quá trình thực hiện

e) Biên bản hội thảo Ban Tư vấn chương trình

f) Quyết định công bố chuẩn đầu ra.

g) Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo được ban hành.

3. Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học có trách nhiệm lưu trữ:

a) Kế hoạch tổng thể của Trường

b) Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa, Hội đồng xây dựng/rà soát, cập nhật chương trình

c) Biên bản hội thảo Ban Tư vấn chương trình

d) Biên bản Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình

e) Quyết định công bố chuẩn đầu ra.

f) Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo được ban hành.

4. Chương trình đào tạo được lưu: 02 bộ tại Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học (bản gốc) và 01 bộ ở mỗi đơn vị có triển khai đào tạo (bản có dấu đỏ).

Điều 20. Khen thưởng và Xử lý vi phạm

1. Đơn vị, viên chức, cá nhân thực hiện tốt nội dung Quy định này sẽ được Hiệu trưởng biểu dương, khen thưởng gắn với đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân viên chức, người lao động hàng năm theo quy định.

2. Đơn vị, viên chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung của Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm mà Nhà trường xem xét giảm trừ thu nhập tăng thêm, đánh giá xếp loại cuối năm của tập thể, viên chức, cá nhân vi phạm hoặc có hình thức xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành liên quan đến đối tượng vi phạm.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Hỗ trợ - Phát triển Dạy và Học là đơn vị đầu mối tham mưu Ban Giám hiệu công tác tổ chức xây dựng, thẩm định và phát triển chương trình đào tạo; hướng dẫn các đơn vị thực hiện Quy định này; lập kế hoạch và cung cấp tài liệu, mẫu biểu cần thiết cho các đơn vị, cá nhân liên quan; đôn đốc các đơn vị, cá nhân liên quan triển khai các công việc theo kế hoạch.

2. Các đơn vị đào tạo căn cứ Quy định này tổ chức xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

3. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai quá trình đào tạo theo quy định sau khi chương trình đào tạo được phê duyệt.

4. Phòng Đảm bảo chất lượng phối hợp với đơn vị định kỳ tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

5. Trung tâm học liệu phối hợp với các Khoa, Bộ môn lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình đào tạo.

6. Những nội dung có liên quan đến công tác xây dựng, thẩm định, phát triển chương trình đào tạo không thể hiện trong văn bản này thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các văn bản hiện hành của Trường.

MỤC LỤC

Chương I	1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Mục tiêu xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo	3
Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo	3
Chương II	3
QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
Điều 5. Mục tiêu của chương trình đào tạo	3
Điều 6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4
Điều 7. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo	4
Điều 8. Khối lượng học tập	5
Điều 9. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	6
Điều 10. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập	7
Điều 11. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ	8
Điều 12. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu	9
Chương III	9
XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH	9
VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
Điều 13. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo	9
Điều 14. Quy trình rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo	10
Điều 15. Hội đồng xây dựng/rà soát chương trình đào tạo	12
Điều 16. Hội đồng thẩm định/nghiệm thu chương trình đào tạo	12
Điều 17. Đánh giá chương trình đào tạo	14
QUẢN LÝ, LƯU TRỮ HỒ SƠ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	14
Điều 18. Quản lý chương trình đào tạo	14
Điều 19. Lưu trữ hồ sơ	15
Điều 20. Khen thưởng và Xử lý vi phạm	16
Điều 21. Tổ chức thực hiện	16